|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS YÊN VIÊN** | **NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: VẬT LÍ 8**  **Năm học: 2021- 2022** |

**Câu 1: Véc tơ lực được biểu diễn như thế nào?**

A. Bằng một mũi tên có phương, chiều tuỳ ý.

B. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.

C. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực.

D. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài tuỳ ý biểu thị cường độ của lực.

**Câu 2: Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào Sai?**

A. Vận tốc cho bíêt mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

B. Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

C. Công thức tính vận tốc là : v = S.t.

D. Đơn vị của vận tốc là km/h.

**Câu 3: Trong các trường hợp dưới đây trường hợp nào ma sát có ích?**

A. Ma sát làm mòn lốp xe.

B. Ma sát làm ô tô qua được chỗ lầy.

C. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe.

D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên mặt sàn.

**Câu 4. Một vật ở trong nước chịu tác dụng của những lực nào?**

A. Lực đẩy Acsimét. B. Lực đẩy Acsimét và lực ma sát.

C. Trọng lực. D. Trọng lực và lực đẩy Acsimét.

**Câu 5**. **Một quả cầu rỗng bằng đồng được treo vào 1 lực kế, ngoài không khí lực kế chỉ 3,56N. Nhúng chìm quả cầu vào trong nước số chỉ của lực kế giảm 0,5N. Biết dnước= 10000N/m3, dđồng = 89000N/m3. Thể tích phần rỗng của quả cầu là:**

A. 40cm3. B. 50cm3. C. 34cm3. D. 10cm3.

**Câu 6: Đơn vị đo áp suất là gì ?**

A. Niutơn (N). B. Niutơn mét (Nm).

C. Niutơn trên mét (N/m). D. Niutơn trên mét vuông (N/m2).

**Câu 7:** **Một vật chuyển động khi**

**A.** khoảng cách của nó so với vật mốc thay đổi.

**B.** vị trí của nó so với vật mốc thay đổi.

**C.** khoảng cách của nó so với vật mốc không thay đổi.

**D.** vị trí của nó so với vật mốc không đổi.

**Câu 8: Điều nào sau đây đúng khi nói về sự tạo thành áp suất khí quyển?**

A. Do không khí có trọng lượng. B. Do mặt trời tác dụng lực vào trái đất.

C. Do mặt trăng tác dụng lực vào trái đất. D. Do trái đất tự quay.

**Câu 9.** **Chuyển động cơ học là:**

A. Sự di chuyển. B. Sự thay đổi vị trí của vật này so với vật khác theo thời gian.

C. Sự dời chỗ. D. Sự thay đổi vị trí từ nơi này sang nơi khác.

**Câu 10:** **Đơn vị hợp pháp của vận tốc là:**

A. Km/h và m/s. B. m/s và cm/s. C. Km.h và m.s. D. Km/h và cm/s.

**Câu 11.** **Công thức tính vận tốc là:**

A. v = S.t. B.. C. . D. .

**Câu 12. Một người đi được quãng đường S1 hết thời gian t1 giây, đi quãng đường S2 hết thời gian t2 giây. Vận tốc trung bình của người này trên cả 2 quãng đường S­1 và S2 là:**

A. . B. . C. . D. .

**Câu 13.** **Hằng đi từ nhà đến trường hết 30 phút với vận tốc không đổi là 15 km/h. Quãng đường từ nhà Hằng đến trường là:**

A. 30 km. B. 0,75km. C. 75 km. D. 7,5 km.

**Câu 14. Lực tác dụng lên vật theo phương ngang, chiều từ phải sang trái, cường độ 80N, tỉ xích 1cm ứng với 40N (Hình 1). Cách biểu diễn đúng là:**

Hình b

Hình d

Hình c

Hình 1



Hình a







**Câu 15: Một người đi bộ đi đều trên đoạn đường đầu dài 2 km với vận tốc 2 m/s, đoạn đường sau dài 2200 m người đó đi hết 1800 giây. Vận tốc trung bình của người đó trên cả đoạn đường là:**

A. 2,1 m/s. B. 1,6 m/s. C. 3,2 m/s. D. 1,5 m/s.

**Câu 16: Hãy chọn câu trả lời đúng. Một người ngồi trên đoàn tàu đang chạy thấy nhà cửa bên đường chuyển động. Khi ấy người đó đã chọn vật mốc là:**

**A.** Toa tàu. **B.** Bầu trời. **C.** Cây bên đường. **D.** Đường ray.

**Câu 17: Trường hợp nào sau đây không liên quan đến quán tính của vật?**

A. Khi áo có bụi, ta giũ mạnh áo cho sạch bụi.

B. Bút máy tắc ta vẩy cho ra mực.

C. Khi lái xe tăng ga, xe tăng tốc.

D. Khi đang chạy nếu bị vấp, người sẽ ngã về phía trước.

**Câu 18: Trong các chuyển động sau, quỹ đạo của chuyển động nào là đường thẳng.**

A. Một chiếc lá rơi từ trên cây xuống.

B. Bánh xe khi xe đang chuyển động.

C. Một viên đá rơi từ trên cao xuống.

D. Một viên đá được ném theo phương nằm ngang.

**Câu 19. Khi vật chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì:**

A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động.

B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm dần.

C. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

D. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh dần.

**Câu 20. Xe ôtô đang chuyển động đột ngột dừng lại. Hành khách trong xe bị:**

A. Nghiêng người sang phía trái. B. Nghiêng người sang phía phải.

C. Xô người về phía trước. D. Ngả người về phía sau.

**Câu 21. Các loại ma sát dưới đây ma sát nào có hại**?

A. Ma sát giữa má phanh xe đạp và vành xe đạp khi phanh.

B. Ma sát giữa đế giày và bàn đạp.

C. Ma sát giữa trục xe đạp và ổ bi.

D. Ma sát giữa que diêm và vỏ bao diêm.

**Câu 22.** **Công thức tính áp suất chất rắn là:**

A. p = d.h. B.. C. . D. p = 10.m.

**Câu 23**. **Cách nào sau đây làm giảm áp suất lên mặt bị ép**?

A. Tăng áp lực và tăng diện tích bị ép.

B. Giảm áp lực và giảm diện tích bị ép.

C. Tăng áp lực và giảm diện tích bị ép.

D. Giảm áp lực và tăng diện tích bị ép.

**Câu 24: Khi vật chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì:**

A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động;

B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm dần.

C. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

D. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh dần.

**Câu 25: Chuyển động của vật nào sau đây được coi là đều ?**

A. Chuyển động của ôtô đang chạy trên đường.

B. Chuyển động của cánh quạt.

C. Chuyển động của máy bay đang hạ cánh xuống sân bay.

D. Chuyển động của Trái Đất quay xung quang Mặt Trời.

**Câu 26: Công thức tính áp suất chất lỏng là:**

**A.  B.** p= d.h **C.** p =d.V **D. **

**Câu 27: Móc 1 quả nặng vào lực kế ở ngoài không khí, lực kế chỉ 10N. Nhúng chìm quả nặng đó vào trong nước số chỉ của lực kế thay đổi như thế nào?**

A. Tăng lên; B. Giảm đi; C. Không thay đổi; D. Chỉ số 0.

**Câu 28**. **Linh nặng 30 kg, biết diện tích tiếp xúc với mặt sàn của 2 bàn chân là 0,03m2. Áp suất mà Linh tác dụng lên sàn nhà là:**

A.10000Pa. B. 1000Pa. C. 9Pa. D. 20000Pa.

**Câu 29**. **Bốn bình 1, 2, 3, 4 cùng đựng nước như hình 2. Áp suất của nước lên đáy bình nào lớn nhất?**

Hình 2

(3)

(2)

(4)

(1)

1. Bình 1.
2. Bình 2.
3. Bình 3.
4. Bình 4.

**Câu 30**. **Trong các kết luận sau, kết luận nào không đúng đối với bình thông nhau?**

A. Bình thông nhau là bình có 2 hoặc nhiều nhánh thông nhau.

B. Tiết diện của các nhánh bình thông nhau phải bằng nhau.

C. Trong bình thông nhau có thể chứa 1 hoặc nhiều chất lỏng khác nhau.

D. Trong bình thông nhau chứa cùng 1 chất lỏng đứng yên, mực chất lỏng ở các nhánh luôn ở cùng 1 độ cao.

**Câu 31**. **Áp suất khí quyển có được do nguyên nhân nào?**

A. Do bề dày của lớp khí quyển bao quanh Trái đất.

B. Do trọng lượng của lớp khí quyển bao quanh Trái đất.

C. Do thể tích của lớp khí quyển bao quanh Trái đất.

D. Do cả ba nguyên nhân trên.

**Câu 32**. **Ba quả cầu có cùng thể tích, quả cầu 1 làm bằng nhôm, quả cầu 2 làm bằng đồng, quả cầu 3 làm bằng sắt. Nhúng chìm cả 3 quả cầu vào trong nước. So sánh lực đẩy Acsimét tác dụng lên mỗi quả cầu ta thấy.**

A. F1A > F2A > F3A. B. F1A = F2A = F3A. C. F3A > F2A > F1A. D. F2A > F3A > F1A.

**Câu 33: Hành khách ngồi trên ôtô đang chuyển động thẳng bỗng thấy mình bị nghiêng người sang bên phải vì ôtô đột ngột:**

A. Rẽ sang trái; B. Tăng vận tốc; C. Rẽ sang phải; D. Giảm vận tốc.

**Câu 34: Càng lên cao, áp suất khí quyển?**

A.càng tăng B. càng giảm

C.không thay đổi D. có thể tăng và cũng có thể giảm

**Câu 35: Một người đi quãng đường dài 2,4 km với vận tốc 12m/s. thời gian để người đó đi hết quãng đường là:**

A. t = 150 giây. B. t = 200 giây. C. t = 0,15 giờ. D. t = 14,4phút.

**Câu 36: Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước. Biết trọng lượng riêng của nước là 10 000 N/m3. Áp suất của nước tác dụng lên đáy bình là:**

A.2500 Pa B. 4000 Pa C. 250 Pa D. 25000 Pa

**Câu 37: Một quả cầu bằng sắt treo vào 1 lực kế ở ngoài không khí lực kế chỉ 2N. Nhúng chìm quả cầu vào nước thì lực kế chỉ 1N. Lực đẩy Acsimét có độ lớn là:**

A. 1 N; B. 1,2N; C. 2,9N; D. 0,8N.

**Câu 38: Vận tốc của ô tô là 40 km/ h, của xe máy là 11,6 m/s, của tàu hỏa là 900m/ phút. Cách sắp xếp theo thứ tự vận tốc giảm dần nào sau đây là đúng.**

A. Tàu hỏa – ô tô – xe máy. B. Ô tô- tàu hỏa – xe máy.

C. Xe máy – ô tô – tàu hỏa. D. Tàu hỏa - xe máy – ô tô.

**Câu 39: Một vật đang đứng yên trên mặt phẳng nằm ngang. Các lực tác dụng vào vật cân bằng nhau là:**

A. trọng lực P của Trái Đất với lực ma sát F của mặt bàn.

B. trọng lực P của Trái Đất với lực đàn hồi.

C. trọng lực P của Trái Đất với phản lực N của mặt bàn.

D. Lực ma sát F với phản lực N của mặt bàn.

**Câu 40: Muốn tăng áp suất lên diện tích bị ép ta có thể làm như thế nào ?**

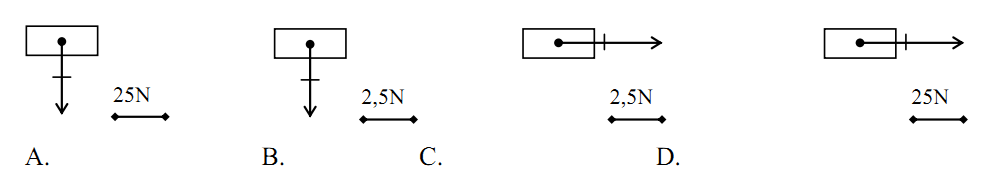
A. Giảm áp lực lên diện tích bị ép.

B. Tăng áp lực và tăng diện tích bị ép lên cùng một số lần.

C. Tăng diện tích bị ép.

D. Tăng áp lực và giảm diện tích bị ép.

**Câu 41: Hình nào sau đây biểu diễn đúng trọng lực của vật có khối lượng 5kg?**

****

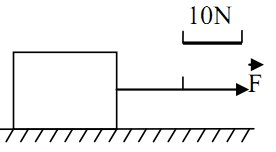
**Câu 42: Lực đẩy Ac-si-mét phụ thuộc vào các yếu tố:**

A. Trọng lượng riêng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

B. Trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của vật.

C. Trọng lượng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

D. Trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

**Câu 43: Trong hình vẽ bên, đặc điểm của lực là:**

**A.** lực có điểm đặt tại vật, cường độ 20N.

**B.** lực có phương ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N.

**C.** lực có phương không đổi, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N, có điểm đặt tại vật

**D.** lực có phương ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ 20N, có điểm đặt tại vật.

**Câu 44: Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ 875 000 N/m2, một lúc sau áp kế chỉ 1 165 000 N/m2. Nhận xét nào sau đây là đúng?**

A.Tàu đang lặn xuống

B.Tàu đang chuyển động về phía trước theo phương ngang

C.Tàu đang từ từ nổi lên

D.Tàu đang chuyển động lùi về phía sau theo phương ngang

**Câu 45: Lực nào sau đây không phải là áp lực?**

A. Trọng lực của quyển sách đặt trên mặt bàn nằm ngang.

B. Lực búa tác dụng vuông góc với mũ đinh.

C. Lực kéo vật chuyển động trên mặt sàn.

D. Lực mà lưỡi dao tác dụng vào vật.

**Câu 46: Khi xét vật đứng yên hay chuyển động, thì vật được chọn làm mốc**

**A.** Phải là vật đang đứng yên. **B.** Phải là vật gắn với Trái Đất.

**C.** Có thể là bất kì vật nào. **D.** Phải là Trái đất.

**Câu 47: Tại sao nắp ấm pha trà có một lỗ nhỏ ?**

A. Để nước nóng bay hơi bớt cho đỡ nóng.

B. Để trang trí cho đẹp.

C. Để dễ đổ nước ra chén do lợi dụng áp suất khí quyển.

D. Để cho đúng mốt.

**Câu 48.** **Công thức tính vận tốc trung bình trên quãng đường gồm 2 đoạn s1 và s2 là**

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 49: Ta biết công thức tính lực đẩy Ac-si-mét là FA= d.V. Ở hình vẽ thì V là thể tích nào?**

A. Thể tích toàn bộ vật. B. Thể tích chất lỏng.

C. Thể tích phần chìm của vật. D. Thể tích phần nổi của vật

**Câu50. Phát biểu nào sau đây đúng về áp suất chất lỏng ?**

A. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên đáy bình.

B. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên đáy bình và thành bình.

C. Chất lỏng gây áp suất lên cả đáy bình, thành bình và các vật ở trong chất lỏng.

D. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên các vật nhúng trong nó.

**Câu 51: Một quả cầu bằng sắt có thể tích 4 dm3 được nhúng chìm trong nước, biết trọng lượng riêng của nước 10 000 N/m3. Lực đẩy Ac-si-mét tác dụng lên quả cầu là:**

A. 4000N; B. 40000N; C. 2500N; D. 40N.

**Câu 52: Trong các trường hợp xuất hiện lực dưới đây trường hợp nào là lực ma sát.**

A. Lực làm cho nước chảy từ trên cao xuống.

B. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén.

C. Lực xuất hiện làm mòn lốp xe.

D. Lực tác dụng làm xe đạp chuyển động.

**Câu 53: Phát biểu nào sau đây đúng khái niệm áp lực ?**

A. Áp lực là lực ép lên mặt bị ép.

B. Áp lực là trọng lượng của vật ép lên mặt sàn.

C. Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.

D. Áp lực là trọng lượng của vật ép vuông góc lên mặt sàn.

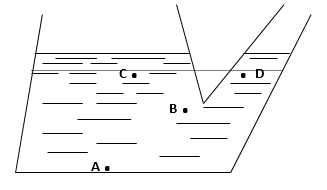
**Câu 54: Chuyển động không đều là chuyển động có độ lớn của vận tốc:**

A.không thay đổi theo thời gian

B. luôn giữ không đổi, còn hướng của vận tốc thay đổi

C. thay đổi theo thời gian

D.cả 3 đáp án đều đúng

**Câu 55:** **Cho hình vẽ bên. Kết luận nào sau đây đúng khi so sánh áp suất tại các điểm A, B, C, D.**

1. pA > pB > pC > pD B. pA > pB > pC = pD

C. pA < pB < pC = pD D. pA < pB < pC < pD

**Câu 56: Một xe tăng khối lượng 50 tấn, có diện tích tiếp xúc các bản xích của xe lên mặt đất là 1,25m2. Tính áp suất của xe tăng lên mặt đất.**

A. 36N/m2. B. 40 000N/m2. C. 360 000N/m2. D. 18 000N/m2.

**Câu 57: Lực ma sát nào giúp ta cầm quyển sách không trượt khỏi tay ?**

**A.** Lực ma sát trượt. **B.** Lực ma sát nghỉ.

**C.** Lực ma sát lăn. **D.** Lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ.

**Câu 58. Một vật có khối lượng 4,5kg được buộc vào sợi dây. Cần phải giữ dây một lực bao nhiêu để vật cân bằng ?**

A. F = 45N. B. F > 45N. C. F < 45N. D. F = 4,5N.

**Câu 59. Trường hợp nào áp suất của người lên mặt sàn là lớn nhất?**

A. Người nằm ra sàn. B. Người ngồi khoanh tròn trên sàn.

C. Người đứng bằng một chân. D. Người đứng bằng cả hai chân.

**Câu 60. Lực nào sau đây không phải là lực ma sát**

A Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên đường lúc phanh gấp.

B. Lực giữ cho vật còn đứng yên khi mặt bàn bị nghiêng.

C. Lực xuất hiện khi viên bi lăn trên mặt sàn.

D. Lực của dây cung tác dụng vào mũi tên khi bắn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập**  **Hoàng Thị Phương Thúy** | **NT/TTCM duyệt**  **Phạm Thị Quỳnh Hoa** | **BGH duyệt**  **Nguyễn Thị Hồng Hạnh** |